

## **Biển Đông: Dầu hỏa, Yêu sách biển và cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung**

**Leszek Buszynski**

Rủi ro do xung đột leo thang từ những sự kiện nhỏ nhất có liên quan đang tăng lên tại Biển Đông từ 2 năm qua với những tranh chấp mà giờ đây có ít cơ hội cho việc đàm phán hay giải quyết. Ban đầu, những tranh chấp xảy ra sau Chiến tranh lạnh khi các quốc gia duyên hải – Trung Quốc và 3 quốc gia của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), gồm Indonesia, Malaysia, Philipin cũng như Việt Nam, quốc gia gia nhập ASEAN sau này – đã cạnh tranh để chiếm đóng những hòn đảo tại đây. Thực sự lúc đó khi vấn đề chỉ hoàn toàn ở mức tranh chấp lãnh thổ, thì nó đã có thể được giải quyết thông qua những nỗ lực của Trung Quốc bắt tay với ASEAN và tiến đến thắt chặt mối quan hệ với khu vực này.

Vào những năm 90, việc tiếp cận những nguồn trữ lượng dầu khí cũng như nguồn tài nguyên biển, đánh bắt cá đã bắt đầu làm phức tạp những yêu sách. Khi nhu cầu năng lượng toàn cầu tăng, các bên yêu sách đã đặt ra kế hoạch để khai thác những trữ lượng hydrocarbon của biển với những tranh chấp liên tiếp sau đó không còn gây sừng sốt, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, những tranh chấp năng lượng không cần thiết gây ra xung đột, vì tranh chấp đã, đang và có thể tiếp tục được kiểm soát thông qua những cơ chế phát triển đa phương hay phát triển chung, đối với những cơ chế này có nhiều tiền lệ cho dù chúng không phức tạp như Biển Đông.

Tuy nhiên, giờ đây vấn đề đã vượt ra khỏi những yêu sách lãnh thổ và việc tiếp cận tài nguyên năng lượng, khi Biển Đông trở thành tâm điểm cho cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung tại Tây Thái Bình Dương. Từ khoảng năm 2010, Biển Đông bắt đầu được liên kết với những chiến lược rộng lớn hơn liên quan đến chiến lược hải quân của Trung Quốc và sự hiện diện tới đây của Mỹ tại khu vực này. Điều này khiến cho tranh chấp trở nên nguy hiểm và có lý do

---

**Rủi ro của xung đột leo thang đang tăng lên tại Biển Đông trong 2 năm qua**

---

đề quan ngại, đặc biệt là kh Mỹ tái khẳng định lợi ích của mình tại Châu Á – Thái Bình Dương và thắt chặt những mối quan hệ an ninh với các quốc gia yêu sách trong ASEAN có tranh chấp.

## **NHỮNG CĂN NGUYÊN THUỘC TRANH CHẤP LÃNH THỔ**

Trung Quốc và Việt Nam yêu sách toàn bộ khu vực Biển Đông và những hòn đảo trong đó, trong khi Malaysia, Philipin, Indonesia và Brunei yêu sách đối với những khu vực tiếp giáp. Có hai nguyên tắc chi phối những yêu sách, và cả hai đều chống lại yêu sách của Trung Quốc đối với khu vực này. Thứ nhất là nguyên tắc “chiếm hữu hiệu quả”, một tiền lệ được hình thành bởi Tòa trọng tài Thường trực trong án lệ đảo Palmas vào tháng 4 năm 1928.<sup>1</sup> Chiếm hữu hiệu quả thừa hưởng thẩm quyền và mục đích để thực hiện quyền quyền tài phán liên tục và kế tiếp, điều này khác hẳn với xâm chiếm. Mặc dù Trung Quốc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa – quần đảo với khoảng 30 hòn đảo cách đều từ bờ biển Trung Quốc và Việt Nam – thuyết về chiếm hữu hiệu quả cũng chống lại sự chiếm đóng của Trung Quốc tại quần đảo Trường Sa - quần đảo nằm ngoài bờ biển của Philipin và Malaysia – ngoài 9 hòn đảo Trung Quốc chiếm giữ từ 1988 – 1992, còn lại do các quốc gia yêu sách trong ASEAN chiếm giữ.

Nguyên tắc thứ hai là Công ước Luật biển Liên hợp Quốc (UNCLOS), Công ước đưa ra những nguyên tắc quyết định đến yêu sách đối với nguồn tài nguyên dựa trên vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) và thềm lục địa tiếp giáp (vùng đặc quyền kinh tế là khu vực biển kéo dài 320 km từ bờ biển, khu vực cho phép quốc gia ven biển yêu sách đối với những nguồn tài nguyên tại đây). UNCLOS không ủng hộ bất kỳ một bên nào được yêu sách vượt quá khu vực EEZ hay khu vực thềm lục địa tiếp giáp được tuyên bố. Nhưng yêu sách của Trung Quốc lại vượt quá vùng EEZ và chống lán lên những yêu sách chủ quyền hợp pháp (theo quy định của UNCLOS cho phép – ND) của các quốc gia ASEAN có yêu sách.

---

<sup>1</sup> Về tính pháp lý của những yêu sách, xem Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea* (University of Hawaii Press, 1999), tr. 39-59; và R. Haller-Trost, *The Spratly Islands: A Study on the Limitations of International Law*, Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Kent, Canterbury, Occasional Paper No. 14, tháng 10, 1990.

Yêu sách của Trung Quốc dựa trên lịch sử, nhưng những yêu sách kiểu như vậy không hề thuyết phục trong luật quốc tế, theo quan điểm của Trung Quốc thì luật quốc tế hạ thấp di sản tổ tiên và là nguồn cơn oán giận của Trung Quốc. Quan điểm của Trung Quốc là yêu sách của nước này có trước UNCLOS (Công ước được công nhận vào năm 1982 và có hiệu lực 1994 sau khi quốc gia thứ 60 phê chuẩn) và rằng Công ước nên được điều chỉnh lại cho phù hợp với những quyền lịch sử. Để khẳng định cho những yêu sách trong tình huống tồn tại sự phức tạp của luật quốc tế có thể không ủng hộ những yêu sách, Trung Quốc đã liên tiếp dùng đến những áp lực ngoại giao đối với việc xem xét lại luật quốc tế và đạt được một ngoại lệ đặt biệt đối với Biển Đông, nơi mà những yêu sách tổ tiên của Trung Quốc được tất cả công nhận.

## **ĐẦU, NĂNG LƯỢNG VÀ NGUỒN NGHIỆP**

Do tranh chấp lãnh thổ, vấn đề Biển Đông có thể sẽ còn tiếp tục bế tắc mà không có bất kỳ nhu cầu cấp bách nào để giải quyết vấn đề. Tuy nhiên sự tồn tại của nguồn dự trữ năng lượng tại Biển Đông lại ngăn cản một giải pháp như vậy. Với việc nhu cầu năng lượng toàn cầu đang tăng, những quốc gia tiêu thụ năng lượng chủ yếu như Trung Quốc đang tìm kiếm những nguồn năng lượng mới nhằm đáp ứng cho nền kinh tế đang phát triển của mình. Vào năm 2009, Trung Quốc trở thành nước tiêu thụ dầu đứng thứ hai sau Mỹ, và nhu cầu tiêu thụ của nước này dường như sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030, điều khiến cho nước này trở thành quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới. Năm 2010, Trung Quốc nhập khẩu 52% lượng dầu từ Trung Đông, Ả Rập Xê Út và nhập 66% từ Angola. Trung Quốc đang đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu dầu theo đuổi việc gia tăng nguồn sản xuất ngoài khơi lưu vực Sông Ngọc (Pearl River) và Biển Đông.<sup>2</sup>

**Những yêu sách lịch sử không có sức nặng trong luật quốc tế, là điều làm Trung Quốc bực dọc.**

<sup>2</sup> U.S. Energy Information Administration, “China,” tháng 5, 2011, <http://205.254.135.7/countries/cab.cfm?fips=CH>; and “BP Energy Outlook 2030,” tháng 1, 2011,

## Những yêu sách chủ quyền cạnh tranh về năng lượng

Việt Nam là quốc gia sản xuất dầu lớn trong khu vực, với việc công ty dầu quốc doanh PetroVietnam sản xuất 24,4 triệu tấn, chiếm 26% tổng lượng sản xuất dầu của Việt Nam từ 3 mỏ dầu tại Biển Đông<sup>3</sup>. Với sản xuất tại những mỏ đã được khai thác giảm, PetroVietnam đã ký kết 60 hợp đồng khai thác và sản xuất dầu khí với nhiều công ty nước ngoài khác nhau trong nỗ lực khai thác những mỏ dầu mới. Tuy nhiên những mỏ dầu mới này không mang lại kỳ vọng bù đắp nguồn dầu bị giảm.<sup>4</sup> Khi Việt Nam nỗ lực khai thác những mỏ dầu mới, có khả năng sẽ làm tái bùng lên những xung đột với Trung Quốc, quốc gia kiên quyết phản đối nỗ lực của Việt Nam ký kết hợp đồng khai thác dầu với các công ty dầu quốc tế tại Biển Đông.

Trung Quốc phàn nàn rằng các quốc gia yêu sách chủ quyền trong ASEAN đang xâm phạm vùng biển của Trung Quốc và nó nằm trong khu vực mà Trung Quốc có quyền thực thi yêu sách của mình đối với các bên. Ví dụ, vào 26 tháng 5, 2011, 2 chiếc tàu hải giám của Trung Quốc đã cắt cáp khai thác của một tàu khảo sát Việt Nam đang tìm kiếm những mỏ dầu, khí trong vùng EEZ của Việt Nam, cách khoảng 120 km từ bờ biển phía nam Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam đã công bố những đoạn video về việc tàu Trung Quốc đã thực sự phá cáp tàu Bình Minh của Việt Nam.<sup>5</sup> Người phát ngôn Bộ ngoại giao Trung Quốc, Khương Du (Jiang Yu) đã tuyên bố rằng tàu Trung Quốc đã thực hiện “những hoạt động giám sát và thực thi luật hàng hải hoàn toàn bình thường trong khu vực thuộc quyền tài

---

[http://www.bp.com/liveassets/bp\\_internet/globalbp/globalbp\\_uk\\_english/reports\\_and\\_publications/statistical\\_energy\\_review\\_2011/STAGING/local\\_assets/pdf/2030\\_energy\\_outlook\\_booklet.pdf](http://www.bp.com/liveassets/bp_internet/globalbp/globalbp_uk_english/reports_and_publications/statistical_energy_review_2011/STAGING/local_assets/pdf/2030_energy_outlook_booklet.pdf).

<sup>3</sup> “Vietnam: Vietsovetro finds more oil at Bach Ho field offshore Vietnam,” Energy-Pedia News, 29, tháng 6, 2011, <http://www.energy-pedia.com/news/vietnam/vietsovetro-finds-more-oil-at-bach-ho-field-offshore-vietnam>

<sup>4</sup> “Vietnam Market for Oil and Gas Machinery and Services,” U.S. CommercialService-Vietnam, tháng 3, 2011, [http://export.gov/vietnam/static/BP-Oil%20and%20Gas%20Machinery%20and%20Services\\_Latest\\_eg\\_vn\\_030123.pdf](http://export.gov/vietnam/static/BP-Oil%20and%20Gas%20Machinery%20and%20Services_Latest_eg_vn_030123.pdf).

<sup>5</sup> Alex Watts, “Tensions rise as Vietnam accuses China of sabotage,” The Sydney Morning Herald, ngày 2, tháng 6, 2011, <http://www.smh.com.au/world/tensions-rise-as-vietnam-accuses-china-of-sabotage-20110601-1fgno.html>.

phán của Trung Quốc”<sup>6</sup> Vào ngày 9 tháng 6, một tàu cá Trung Quốc thực hiện hành động tương tự khi cắt cáp khảo sát của một tàu khảo sát khác của Việt Nam.

Philippin cũng gặp vấn đề tương tự với Trung Quốc. Manila đang nỗ lực nâng cao khả năng tự sản xuất dầu của mình, và đặt ra mục tiêu đạt 60% năm 2011, là điều có vẻ không thể thực hiện. Nước này dự tính ký kết 15 hợp đồng khai thác trong một vài năm tới tại khu vực khai thác ngoài khơi đảo Palawan, trong khu vực Trung Quốc có yêu sách.<sup>7</sup> Vào năm 2011, Philippin đã công bố 7 vụ việc liên quan đến sự quấy rối của Trung Quốc. Trong trường hợp vào ngày 2 tháng 3, hai chiếc tàu tuần tra Trung Quốc đã quấy rối một chiếc tàu khai thác dầu trong khu vực yêu sách của Philippin, cách 250 km phía tây Palawan. Hai chiếc tàu này đã rời đi ngày sau khi Không quân Philippin có mặt. Vào ngày 5 tháng 4, Manila trao công hàm phản đối chính thức lên Liên Hiệp Quốc và tìm kiếm sự ủng hộ của ASEAN trong việc tiến tới một quan điểm chung đối với vấn đề.<sup>8</sup> Trung Quốc đã đáp lại vài ngày sau đó bằng việc chính thức cáo buộc Philippin đã “xâm lược” các vùng nước của Trung Quốc.<sup>9</sup> Sau khi hạ thủy tàu Hải Giám 31 (Haixun-31) 3000 tấn, cùng với máy bay lên thẳng tại Biển Đông, vào tháng 6 Philippin cũng đưa loại tàu chiến cũ từ thế chiến thứ hai, tàu *Rajah Humabon*, ra khu vực yêu sách của mình.<sup>10</sup> Con tàu này đã phá bỏ những cột mốc của Trung Quốc đặt trên nhiều bãi đá trong khu vực yêu sách của Philippin.<sup>11</sup> Cũng vào tháng 6, tuyên bố chính thức của tổng thống

---

<sup>6</sup> “China reprimands Vietnam over offshore oil exploration,” Reuters, 28, tháng 5, 2011,

<http://af.reuters.com/article/energyOilNews/idAFL3E7GS07E20110528>.

<sup>7</sup> “Philippines to seek more oil in West Philippine Sea,” Agence France-Presse, 29, tháng 6, 2011,

<http://globalnation.inquirer.net/5034/philippines-to-see-more-oil-in-west-philippine-sea>

<sup>8</sup> “Philippines protests China’s Spratly claim at UN,” Agence France-Presse, 14, tháng 4, 2011,

<http://globalnation.inquirer.net/news/breakingnews/view/20110414-331090/Philippines-protests-Chinas-Spratly-claim-at-UN>.

<sup>9</sup> Teresa Cerojano, “Beijing counters Manila’s UN protest, says Philippines ‘started to invade’ Spratlys in 1970s,” Associated Press, 19, tháng 4, 2011, <http://arabnews.com/world/article366262.ece>.

<sup>10</sup> TJ Burgonio, “Navy flagship to patrol PH waters only, says Palace,” Philippine Daily Inquirer, 21, tháng 6, 2011, <http://newsinfo.inquirer.net/16678/navy-flagship-to-patrol-ph-waters-only-says-palace>.

<sup>11</sup> “Philippines pulls markers from disputed waters,” channelnewsasia.com, 15, tháng 6, 2011,

Philippin nước này đang đổi tên biển từ Biển Đông thành “biển Tây Philippin” và tuyên bố chương trình mở rộng hải quân, chương trình nhằm cải thiện những giới hạn về sự hiện diện của Philippin tại Biển Đông.<sup>12</sup>

Bất chấp sự phản đối của Trung Quốc, cả Việt Nam và Philippin đều có kế hoạch tiếp tục những dự án khai thác khí ga cùng với các công ty nước ngoài. PetroVietnam sẽ hợp tác với Công ty Talisman Energy và sẽ bắt đầu khoan tại khu vực mà Trung Quốc đã trao quyền cho Crestone Corporation vào năm 1992, dự án giờ đây đang do Harvest Natural Resources tiến hành. ExxonMobil cũng có kế hoạch khoan thăm dò ngoài khơi Việt Nam, trong khi Philippin dự định khoan tại mỏ dầu tại nơi tàu Trung Quốc đã quấy rối tàu khảo sát của nước này vào tháng 3 năm 2011.<sup>13</sup>

Trong khi đó, Ấn Độ cũng bắt đầu dính líu với tư cách là người ngoài cuộc, điều này làm phức tạp vấn đề. Trung Quốc có thể có những ảnh hưởng đối với các quốc gia yêu sách ASEAN do sự gần gũi về không gian và kích thước của Trung Quốc, nhưng Ấn Độ lại có vị thế và sức mạnh để chống lại Trung Quốc. Hơn nữa, Ấn Độ nuôi dưỡng sự oán giận đối với Trung Quốc vì sự hỗ trợ của nước này đối với Pakistan và những yêu sách dọc theo biên giới chung hai nước điều sẽ gây thêm nhiều khó khăn cho Trung Quốc trong việc kiểm soát. Mối quan hệ của Ấn Độ đối với Việt Nam có từ thời Tổng thống Indira Gandhi, chính phủ Ấn Độ lúc đó đã công nhận chính phủ bảo trợ Việt Nam tại Campuchia năm 1984. Nhiều người tại Ấn Độ xem Việt Nam là đồng minh của Ấn Độ trong việc chống lại Trung Quốc.

Tàu hải quân Ấn Độ *INS Airavat*, trên đường đi vào Nha Trang, phía nam Việt Nam vào ngày 22 tháng 7 năm 2011, đã bị phía Trung Quốc gửi tin nhắn rada

---

[http://www.channelnewsasia.com/stories/afp\\_asiapacific/view/1135238/1.html](http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/1135238/1.html)

<sup>12</sup> “Philippines to boost Spratly patrols,” [channelnewsasia.com](http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/1122961/1.html), 15, tháng 4, 2011,

[http://www.channelnewsasia.com/stories/afp\\_asiapacific/view/1122961/1.html](http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/1122961/1.html).

<sup>13</sup> Daniel Ten Kate, “South China Sea Oil Rush Risks Clashes as U.S. Emboldens

Vietnam on Claims,” [Bloomberg](http://www.bloomberg.com/news/2011-05-26/s-china-sea-oil-rush-risks-clashes-as-u-s-emboldens-vietnam.html), 27, tháng 5, 2011, <http://www.bloomberg.com/news/2011-05-26/s-china-sea-oil-rush-risks-clashes-as-u-s-emboldens-vietnam.html>.

cảnh báo rời khỏi khu vực “vùng biển Trung Quốc”. Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã đáp trả lại rằng “Ấn Độ ủng hộ tự do hàng hải trong vùng biển quốc tế, bao gồm cả khu vực Biển Đông, và quyền qua lại phù hợp với những nguyên tắc được phép của luật pháp quốc tế”.<sup>14</sup> Trong khi đó, Trung Quốc phản đối những hoạt động thăm dò của công ty dầu khí Ấn Độ Oil and Natural Gas Corp (ONGC) xung quanh quần đảo Hoàng Sa, khu vực mà Trung Quốc đặc biệt nhạy cảm. ONGC đưa ra quan điểm rằng yêu sách của Việt Nam là phù hợp với luật pháp quốc tế, và công ty này sẽ tiếp tục những dự án khai thác tại hai lô gần quần đảo Hoàng Sa.<sup>15</sup>

Tiếp tục sau đó, trong khi Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang thăm New Delhi, một hợp đồng có thời hạn 3 năm về hợp tác khai thác, sản xuất dầu, khí đã được ký kết giữa ONGC và PetroVietnam vào ngày 12 tháng 10 năm 2011 bất chấp sự phản đối của Trung Quốc.<sup>16</sup> Đáng chú ý, hợp đồng này được ký trong khi Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn Phú Trọng đang trong chuyến thăm Bắc Kinh và bày tỏ tình hữu nghị với Trung Quốc.<sup>17</sup> Việt Nam lúc này đã sử dụng lại cách thức truyền thống trong vấn đề giải quyết với Trung Quốc – nhấn mạnh sự tương đồng và tình hữu nghị, đây là nhiệm vụ của Tổng bí thư, trong khi tìm kiếm một đối trọng hiệu quả tại Ấn Độ. Có thể sẽ có thêm nhiều sự việc xảy ra khi Trung Quốc vạch ra đường lối chống lại đối thủ cường quốc Châu Á này.

---

<sup>14</sup> Indrani Bagchi, “China harasses Indian naval ship on South China Sea,” Times of India, 2, tháng 9, 2011, [http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-09-02/india/30105514\\_1\\_south-china-sea-spratly-ins-airavat](http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-09-02/india/30105514_1_south-china-sea-spratly-ins-airavat).

<sup>15</sup> Ananth Krishnan, “South China Sea projects an infringement on sovereignty, says China,” The Hindu, 19, tháng 9, 2011, <http://www.thehindu.com/news/international/article2468317.ece?css=print>.

<sup>16</sup> “India, Vietnam sign oil exploration agreement, ignoring China’s objections,” Associated Press, 12, tháng 10, 2011, <http://maritimesecurity.asia/free-2/south-china-sea-2/india-vietnam-sign-oil-exploration-agreement-ignoring-china%E2%80%99s-objections/>.

<sup>17</sup> Sachin Parashar, “New Delhi tries to snap Beijing’s string of pearls,” The Times of India, 20, tháng 10, 2011, [http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-10-20/india/30302032\\_1\\_nguyen-phu-trong-thein-sein-naypyidaw](http://articles.timesofindia.indiatimes.com/2011-10-20/india/30302032_1_nguyen-phu-trong-thein-sein-naypyidaw).

## Tranh chấp đánh bắt cá

Dường như những tranh chấp năng lượng vẫn chưa đủ, những cuộc cạnh tranh đối với nguồn tài nguyên biển và cá tại Biển Đông cũng góp phần làm gia tăng căng thẳng. Trước đây, những thuyền đánh bắt cá thường xuyên di chuyển ra vào khu vực chông lán yêu sách, nhưng tần suất gia tăng của những hoạt động như vậy đã gây nên những mối quan ngại. Việt Nam tuyên bố rằng có 63 tàu đánh bắt cá cùng với 725 thủy thủ đoàn đã bị Trung Quốc bắt giữ tại Biển Đông từ năm 2005;<sup>18</sup> và sau đó họ bị buộc yêu cầu phải trả những khoản tiền cao ngất ngưỡng để được thả. Trong một vụ việc đã được công khai rộng rãi tại Việt Nam, một tàu tuần tra Trung Quốc đã bắt giữ một tàu đánh cá cùng 12 thủy thủ đoàn xung quanh quần đảo Hoàng Sa vào tháng 3 năm 2010.<sup>19</sup> Đây không phải là lần đầu tiên Trung Quốc làm điều này, và Bộ ngoại giao Việt Nam đã phản đối mạnh mẽ - đây là trường hợp không nên tái diễn thêm.

**Biển Đông đang trở thành  
điểm hội tụ cạnh tranh  
chiến lược của Trung  
Quốc đối với Mỹ**

Trung Quốc ban hành lệnh cấm đánh bắt cá hàng năm tại Biển Đông, được xem là việc Trung Quốc bảo tồn nguồn cá cho nước này. Lần đầu tiên Bắc Kinh tuyên bố lệnh cấm đánh bắt cá là vào năm 1999, thời gian từ tháng 6 đến tháng 7 hàng năm, và đến năm 2009 lệnh được kéo dài bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 đến 1 tháng 8 hàng năm. Quy mô của lệnh cấm rất mơ hồ, mặc dù lệnh cấm bao phủ khu vực xung quanh Hoàng Sa nhưng lại không quá xa về phía nam quần đảo Trường Sa<sup>20</sup>. Việt Nam kiên quyết phản đối vì những tác động của lệnh cấm đối với kế sinh nhai của ngư dân Việt Nam. Để lệnh cấm có hiệu lực và bảo vệ tàu cá của Trung Quốc, nước này đã cử những tàu “ngư chính” mà thực chất được chuyển đổi

<sup>18</sup> Seth Mydans, “U.S. and Vietnam Build Ties With an Eye on China,” The New York Times, 12, tháng 10, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/10/13/world/asia/13vietnam.html>.

<sup>19</sup> Will Clem, “Patrol boats to escort fishing vessels in disputed Spratlys,” South China Morning Post, 3, tháng 4, 2010, [http://www.viet-studies.info/kinhte/patrol\\_boats\\_to\\_escort\\_fishing.htm](http://www.viet-studies.info/kinhte/patrol_boats_to_escort_fishing.htm).

<sup>20</sup> “Unilateral fishing ban likely to fuel tension,” South China Morning Post, 17, tháng 5, 2010.



từ những tàu hải quân. Trung Quốc thông báo kế hoạch tăng cường sức mạnh của lực lượng hải giám của nước này lên tới 16 máy bay và 350 tàu vào năm 2015, lực lượng này sẽ được sử dụng để giám sát hàng hải, thực hiện những nhiệm vụ khảo sát, “bảo vệ an ninh biển,” và kiểm tra tàu nước ngoài hoạt động trong “vùng biển của Trung Quốc”<sup>21</sup>.

Một vấn đề khác đó là tàu Việt Nam cũng xâm nhập vào khu vực các quốc gia ASEAN khác có yêu sách chủ quyền. Vào tháng 2 năm 2011 hai tàu cá Việt Nam dưới tên của Indonesia đã bị tàu tuần tra Indonesia bắt giữ gần đảo Natuna.<sup>22</sup> Indonesia đã thông báo rằng vào năm 2009, có khoảng 180 tàu cá (không hoàn toàn là của Việt Nam – một số từ Malaysia) đã bị Indonesia bắt giữ khi đánh bắt cá trái phép tại vùng biển nước này.<sup>23</sup> Do nhu cầu tăng cao và nguồn dự trữ có hạn, những tranh chấp về đánh bắt cá có vẻ sẽ gia tăng tại Biển Đông, đặc biệt là khi các bên tranh chấp nâng cấp lực lượng bờ biển và hải quân của mình.

## CẠNH TRANH GIỮA CÁC CƯỜNG QUỐC

Năng lượng và đánh bắt cá không phải là những nhân tố duy nhất trong tranh chấp này. Biển Đông đang trở thành điểm hội tụ cạnh tranh chiến lược của Trung Quốc đối với Mỹ khi Trung Quốc phát triển chiến lược hải quân hiện đại và triển khai những năng lực hải quân mới. ASEAN đã thừa nhận rằng yêu sách rộng lớn của Trung Quốc lên toàn bộ Biển Đông có thể được thương lượng, rằng Trung Quốc sẽ chấp nhận một thỏa thuận khu vực có lợi, trong đó những yêu sách lãnh thổ sẽ được điều chỉnh và những nguồn dự trữ dầu, khí cũng như cá sẽ được chia sẻ. Trên cơ sở này, ASEAN đã đưa Trung Quốc vào đối thoại chính thức với hy vọng rằng những lãnh đạo của Trung Quốc có thể tin tưởng về giá trị của cơ chế của những quy tắc sẽ quản lý hành vi tại Biển Đông. ASEAN thường cẩn trọng

---

<sup>21</sup> Wang Qian, “Maritime Forces to be Beefed up Amid Disputes,” China Daily, 17, tháng 6, 2011, [http://www.chinadaily.com.cn/china/2011-06/17/content\\_12718632.htm](http://www.chinadaily.com.cn/china/2011-06/17/content_12718632.htm).

<sup>22</sup> “Navy arrests illegal Vietnamese fishing boats,” Antaranews.com, 12, tháng 2, 2011, <http://www.antaranews.com/en/news/67994/navy-arrests-illegal-vietnamese-fishing-boats>.

<sup>23</sup> “Ten Vietnamese fishing boats caught poaching in RI waters,” Antaranews.com, 23, tháng 4, 2010, <http://www.antaranews.com/en/news/1272030822/ten-vietnamese-fishing-boats-caught-poaching-in-ri-waters>.

nhằm tránh gây ra bất kỳ hành động khiêu khích Trung Quốc với mong muốn rằng Trung Quốc sẽ đáp lại và phương cách ASEAN trong việc khuyến khích một thỏa thuận thông qua sự đồng thuận sẽ được Bắc Kinh chấp nhận trong tương lai.

Vấn đề đã không chỉ liên quan đến những yêu sách đối đầu nhau về năng lượng và ngư nghiệp, một hiệp định sẽ chỉ rõ những quy tắc về sự tương tác và quản lý (nói cách khác được gọi là cơ chế hàng hải) đã có thể đạt được theo như cách thức mà các nhà hoạch định chính sách ASEAN đưa ra. Tuy nhiên cạnh tranh chiến lược đối với Mỹ sẽ định hình lại những tranh chấp theo hướng làm giảm đi vai trò của ASEAN và khả năng đàm phán về giải pháp cho vấn đề Biển Đông của ASEAN với Trung Quốc. Điều này sẽ khiến cho Trung Quốc không còn chú ý đến những lo ngại của ASEAN mà sẽ lo ngại nhiều hơn về những động thái của Mỹ bên ngoài khu vực và hoạt động hải quân Mỹ. Điều này báo hiệu một sự quyết đoán đặc biệt đối với những hành vi của Trung Quốc khi vấn đề kiểm soát rộng lớn hơn đối với Biển Đông là sự bổ sung cần thiết đối với việc triển khai và chiến lược hải quân của nước này.

Chiến lược hải quân của Trung Quốc đã được thực hiện trong nhiều năm khi đô đốc hải quân Trung Quốc Lưu Hoa Thanh [Liu Huaqing] (1982-1988) lần đầu tiên kêu gọi hải quân viễn chinh để bảo vệ những lợi ích biển của Trung Quốc. Qua hai thập kỷ qua, Trung Quốc đã phát triển một cách vững vàng sức mạnh hải quân, sức mạnh được xem như là một đóng góp cần thiết cho vị thế cường quốc. Khi nền kinh tế phát triển, những lợi ích hàng hải của Trung Quốc cũng tương ứng mở rộng (và cùng với nó là sức mạnh hải quân), sẽ đưa đến xung đột với cường quốc hải quân với ưu thế vượt trội tại Tây Thái Bình Dương là Mỹ.

### **Sự phát triển của hải quân Trung Quốc**

Chiến lược phát triển hải quân của Trung Quốc gồm 3 sứ mệnh, những sứ mệnh vạch ra sự phát triển cho năng lực hải quân nước này. *Đầu tiên* là ngăn chặn Đài Loan tuyên bố độc lập cùng lúc ngăn chặn Mỹ triển khai hải quân hỗ trợ Đài Loan trong trường hợp có xung đột. Sứ mệnh này đã trở thành điểm nổi bật trong chiến lược hải quân của Trung Quốc sau khi Mỹ triển khai 2 tàu sân bay trong cuộc khủng hoảng Đài Loan 1995 – 1996 – tàu *Nimitz* vào tháng 12 năm 1995 và tàu

*Independence* vào tháng 3 năm 1996 – trong lần phô trương sức mạnh hải quân khiến cho Trung Quốc vẫn chưa quên. *Sứ mệnh thứ hai* là bảo vệ những lộ trình thương mại được mở rộng và nguồn cung năng lượng qua Ấn Độ Dương và eo biển Malacca của Trung Quốc, đây là những con đường mà ước tính đến 80% lượng nhập khẩu dầu của Trung Quốc đi qua.<sup>24</sup> Sứ mệnh này trở nên quan trọng sau khi Trung Quốc trở thành nhà nhập khẩu dầu vào năm 1993 và vào thời gian cuối những năm 90, Bắc Kinh nhận ra nền kinh tế trở nên phụ thuộc vào dầu mỏ nhập khẩu như thế nào. *Sứ mệnh thứ 3* là triển khai khả năng tấn công hạt nhân lần hai trên biển tại Tây Thái Bình Dương, đây là hệ quả khác từ cuộc khủng hoảng Đài Loan năm 1995 – 1996. Bắc Kinh đã hiểu rằng khả năng này sẽ được áp dụng như biện pháp cuối cùng chống lại Mỹ trong cuộc khủng hoảng này và các cuộc khủng hoảng khác.

Để thực hiện những sứ mệnh này, Trung Quốc đang phát triển hay triển khai 4 loại tàu ngầm và 6 loại tàu khu trục mới trong 2 thập kỷ qua. Trung Quốc đã tự mình đặt ra mục tiêu về việc phát triển hải quân viễn chinh, và như Tư lệnh hải quân Đô đốc Ngô Thắng Lợi (Wu Shengli) đã tuyên bố vào tháng 4 năm 2009 rằng Trung Quốc sẽ thiết lập “Hệ thống phòng thủ biển”.<sup>25</sup> Hải quân viễn chinh đòi hỏi phải có tàu sân bay, và chiếc tàu sân bay đầu tiên của Trung Quốc mang tên *Thi Lang* (*Shi Lang*), được cải tạo lại từ con tàu cũ của Liên Xô có trọng lượng 32.000 tấn có tên *Varyag*, đã thực hiện những cuộc chạy thử trên biển lần đầu tiên từ ngày 10-14 tháng 8 năm 2011. Chiếc tàu dự tính sẽ đưa vào hoạt động vào năm 2012 và chở 48 máy bay trên biển Su-33 và máy bay *Jian-10* của Trung Quốc, loại máy bay phù hợp cho các hoạt động của tàu sân bay. Trung Quốc dự định sẽ đóng chiếc tàu sân bay trọng lượng 50.000 – 60.000 tấn vào năm 2015 và tàu sân bay chạy bằng năng lượng hạt nhân vào năm 2020.<sup>26</sup> Những chiếc tàu sân bay đòi hỏi những

---

<sup>24</sup> Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military Power of the People’s Republic of China 2008,” [http://www.mcsstw.org/www/download/China\\_Military\\_Power\\_Report\\_2008.pdf](http://www.mcsstw.org/www/download/China_Military_Power_Report_2008.pdf).

<sup>25</sup> Cui Xiaohuo and Peng Kuang, “Navy chief lists key objectives,” *China Daily*, 16, tháng 4, 2009, [http://www.chinadaily.com.cn/cndy/2009-04/16/content\\_7681478.htm](http://www.chinadaily.com.cn/cndy/2009-04/16/content_7681478.htm); also see “China planning huge navy upgrade,” *channelnewsasia.com*, 16, tháng 4, 2009, [http://www.channelnewsasia.com/stories/afp\\_asiapacific/view/422735/1.html](http://www.channelnewsasia.com/stories/afp_asiapacific/view/422735/1.html).

<sup>26</sup> Kenji Minemura, “China’s 1st aircraft carrier sets sail for sea tests,” *Asahi Shimbun*, 10, tháng 8, 2011, <http://ajw.asahi.com/article/asia/china/AJ201108105890>; and Sam LaGrone, “China reveals aircraft carrier

chiếc tàu hộ tống hỗ trợ phòng thủ trên không vào bảo vệ chống lại cuộc tấn công của tàu ngầm, điều cho thấy sự phát triển trọng yếu đối với năng lực hải quân của Trung Quốc đã được lên kế hoạch.

Liên quan tới lực lượng hạt nhân trên biển, Trung Quốc có 4 tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo SSBNs. SSBN đầu tiên của Trung Quốc giờ đã lỗi thời là *Xia*, được hoàn thành vào năm 1981 và mang 12 tên lửa đạn đạo JL-1 (SLBMs) với tầm bắn lên tới 2700 km, không đủ khả năng vươn tới đất liền của Mỹ. Hai loại tàu có độ tin cậy và hiện đại hơn là loại tàu lớp *Jin* được triển khai hoạt động từ năm 2004 – mỗi tàu mang 12 tên lửa đạn đạo JL-2 với tầm bắn xuyên lục địa, lên tới 8400 km. Trung Quốc dự tính sẽ triển khai ít nhất là 5 loại tàu lớp *Jin* trong những năm tới.<sup>27</sup>

Trung Quốc cần có những chỗ trú ẩn cho lực lượng hải quân để bảo vệ trước những cuộc tấn công từ trên không và từ biển.<sup>28</sup> Tàu sân bay và SSBNs cũng đòi hỏi tiếp cận các vùng biển mở để thực hiện toàn bộ sứ mệnh của mình; nếu không có nó, chúng sẽ bị hạn chế đối với những khu vực giới hạn và hoàn toàn vô dụng. Chỉ một vài khu vực dọc theo bờ biển của Trung Quốc có thể đáp ứng chỗ trú ẩn cho hải quân nước này, đó là những khu vực mà việc phòng thủ có thể hiệu quả và đáp ứng được việc tiếp cận biển mở. Một là tại Hoàng Hải, khu vực có một căn cứ tàu ngầm được đặt tại đảo Tiểu Bình (Xiaopingdao) gần Đại Liên. Khu vực còn lại theo logic là tại khu vực Hải Nam và khu vực nửa kín phía nam Biển Đông, khu vực có thuận lợi về sự gần gũi không gian đối với eo biển Malacca và những tuyến đường biển vươn ra Ấn Độ Dương. Mọi thứ xa hơn về phía bắc đều sẽ trở nên dễ bị tổn thương bởi sự ngăn chặn từ biển mở của Mỹ.

---

ambitions,” Jane’s Navy International, 23, tháng 12, 2010, <http://www.janes.com/products/janes/defence-security-report.aspx?id=1065926372>.

<sup>27</sup> On China’s military capabilities, see Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military and Security Developments Involving the People’s Republic of China 2010,” <http://www.globalsecurity.org/military/library/report/2010/2010-prc-military-power.pdf>.

<sup>28</sup> Toshi Yoshihara and James R. Holmes, *Red Star over the Pacific: China’s Rise and the Challenge to U.S. Maritime Strategy* (Naval Institute Press, 2010), tr. 141-142.

Vì lý do này mà Trung Quốc đang tiến hành xây dựng căn cứ ngầm tại Tam Á trên đảo Hải Nam, đây sẽ là nơi trú ẩn không chỉ cho SSBNs mà còn là nơi trú ẩn cho tàu sân bay và đội tàu hộ tống khi chúng được triển khai.<sup>29</sup> Vào năm 2008, một SSBN lớp *Jin* đã được triển khai tại đây, và vào tháng 10 năm 2010, hai chiếc tàu ngầm hạt nhân lớp *Shang* neo đậu tại Tam Á.<sup>30</sup> Tàu sân bay *Thi Lang* có vẻ cũng sẽ neo tại đây. Khi Hải Nam phát triển thành căn cứ hải quân, quần đảo Hoàng Sa xuống phía nam sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc đáp ứng phòng thủ biển và trên không cho Hải Nam. Điều này giải thích sự nhạy cảm của Trung Quốc đối với những chiếc tàu khảo sát của Mỹ và việc tại sao 5 chiếc tàu hải quân Trung Quốc đã đối đầu với tàu *Impeccable USNS* của Mỹ khi tàu này đã mạo hiểm đi vào trong khu vực cách Hải Nam 121 km vào ngày 9 tháng 3 năm 2009.<sup>31</sup>

Việc bảo vệ Hải Nam là một chuyện, còn việc tiếp cận an toàn đối với biển mở cho các tàu sân bay và SSBNs lại là chuyện khác. Chính vì điều này mà Trung Quốc đòi hỏi phải kiểm soát toàn bộ quần đảo Trường Sa, hay ít nhất là có khả năng ngăn chặn sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài vào những hoạt động hải quân của Trung Quốc trong khu vực mà sẽ mở rộng tới eo biển Malacca. Nguyên Phó tham mưu trưởng PLA, tướng Zhang Li vào năm 2009 đã kêu gọi việc xây dựng một sân bay và một cảng tại đảo đá Vành Khăn (Mischief Reef) trong khu vực yêu sách của Philipin tại Trường Sa, hiện Trung Quốc đang chiếm đóng. Mục đích của Trung Quốc là tiến hành tuần tra trên không đối với khu vực, hỗ trợ tàu cá Trung Quốc và khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với toàn bộ Biển Đông.<sup>32</sup>

---

<sup>29</sup> See Thom Shanker and Mark Mazzetti, “China and U.S. Clash on Naval Fracas,” *The New York Times*, 10, tháng 3, 2009, <http://www.nytimes.com/2009/03/11/world/asia/11military.html>.

<sup>30</sup> “New attack sub docked at China’s navy base in Hainan Island,” *Mainichi News*, 21, tháng 10, 2010, <http://www.china-defense-mashup.com/new-attack-sub-docked-at-chinas-navy-base-in-hainan-island.html>.

<sup>31</sup> Mark Mcdonald, “U.S. navy provoked South China Sea incident, China says,” *The New York Times*, 10, tháng 3 2009, <http://www.nytimes.com/2009/03/10/world/asia/10iht-navy.4.20740316.html>.

<sup>32</sup> Nong Hong and Wenran Jiang, “China’s Strategic Presence in the Southeast Asian Region,” in *Maritime Capacity Building in the Asia Pacific Region*, ed. Andrew Forbes (Department of Defence, Australia, 2010), tr. 141-156

Còn Lưu Hoa Thanh (Liu Huaqing) người đã phát triển khái niệm phòng thủ khu vực cho Trung Quốc, cho phép đáp ứng không gian được bảo vệ đối với sự phát triển của hải quân. Lưu biết đến phòng thủ khu vực qua Sergei Gorshkov – sau này là Tư lệnh Hải quân Xô Viết – thầy giáo của Lưu tại Học viện Hải quân Xô Viết, nơi ông đã học vào những năm 50. Dưới thời Lưu, chiến lược hải quân Trung Quốc thay đổi từ phòng thủ ven bờ hay gần bờ sang “phòng thủ biển gần”, chiến lược bao phủ một khu vực đến tận “chuỗi đảo thứ nhất”. Chiến lược này kéo dài từ Nhật Bản tới Đảo Ryukyu, Philipin và tới Biển Đông; chuỗi đảo thứ hai tiến xa hơn xuống Thái Bình Dương và kéo dài từ Nhật Bản tới Guam.<sup>33</sup> Kể từ khi hình thành hai thập kỷ trước đây, khái niệm chuỗi đảo tiếp tục hình thành tư duy hải quân của Trung Quốc trong việc nhận dạng và phân giới vùng lợi ích.<sup>34</sup> Khái niệm chuỗi đảo thứ nhất coi Đài Loan là điểm trọng tâm chính và không gian biển quanh Đài Loan, là khu vực sẽ cho phép sự phong tỏa tàu ngầm trong trường hợp Đài Loan tuyên bố độc lập khỏi đại lục. Khái niệm này cũng bao hàm không gian lãnh thổ biển đủ rộng cho việc tuần tra thường xuyên của đội tàu tuần tra SSBNs và cho việc triển khai những địa điểm hạ thủy giữa biển<sup>35</sup>

---

<sup>33</sup> Nong Hong and Wenran Jiang, “China’s Strategic Presence in the Southeast Asian Region,” in *Maritime Capacity Building in the Asia Pacific Region*, ed. Andrew Forbes (Department of Defence, Australia, 2010), tr. 141-156

<sup>34</sup> Cole, tr. 178.

<sup>35</sup> Peter Howarth, *China’s Rising Sea Power: the PLA Navy’s Submarine Challenge* (Frank Cass, 2006), tr.175



Nguồn: Globalsecurity.org

Đối với khái niệm phòng thủ khu vực, khái niệm này bao gồm biển Hoàng Hải và Biển Đông, những khu vực trú ẩn an toàn cho đặt nền tảng căn cứ hải quân cũng như việc qua lại an toàn đối với biển mở. Tuy nhiên phòng thủ khu vực đòi hỏi hải quân Mỹ phải bị cầm chân tại vịnh và ở một khoảng cách đủ xa để hải quân Mỹ sẽ không thể can thiệp vào việc triển khai hải quân của Trung Quốc trong khu vực. Giải quyết vấn đề này, Trung Quốc đã phát triển DF-21D, loại vũ khí được gọi là Tên lửa đạn đạo chống tàu (ASBM) có khả năng đánh trúng mục tiêu tàu sân bay Mỹ và những loại tàu nổi lớn.<sup>36</sup> Đô đốc hải quân Mỹ Robert F. Willard, chỉ huy Hạm đội Thái Bình Dương Mỹ đã nói rằng kết hợp với tàu ngầm của Trung Quốc, loại tên lửa này có thể gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với hải quân Mỹ, và thậm chí “vô hiệu” năng lực sức mạnh hải quân của Mỹ.<sup>37</sup> Bộ quốc phòng Mỹ tuyên bố rằng với việc truy tìm và xác định vị trí đối với mục tiêu có hiệu quả, tên

---

<sup>36</sup> See Richard Fisher, Jr., “New Chinese Missiles Target the Greater Asian Region,” International Assessment and Strategy Center, 24, tháng 7, 2007, [http://www.strategycenter.net/research/pubID.165/pub\\_detail.asp](http://www.strategycenter.net/research/pubID.165/pub_detail.asp); also Mark Stokes and Dan Blumenthal, “WhyChina’s missiles should be our focus,” The Washington Post, 2, tháng 1, 2011, <http://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/12/31/AR2010123102687.html>.

<sup>37</sup> See Yoichi Kato, “China’s new missile capability raises tensions,” Asahi.com, 27, tháng 1, 2011, <http://www.asahi.com/english/TKY201101260340.html>; also “‘Carrier killer’ won’t stop US: admiral,” Taipei Times, 16, tháng 2, 2011, <http://www.taipaitimes.com/News/front/archives/2011/02/16/2003496000>.

lừa DF-21D sẽ khiến cho hải quân Mỹ gặp nguy hiểm trong phạm vi từ 1500 – 2100 km.<sup>38</sup>

Cùng với khái niệm phòng thủ khu vực, Trung Quốc mong muốn Mỹ thừa nhận khu vực ảnh hưởng riêng của mình tại Tây Thái Bình Dương, cùng với Đài Loan và Biển Đông sẽ phải nằm trong khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc. Từ quan điểm của Trung Quốc, sự hiện diện của hải quân Mỹ tại Tây Thái Bình Dương ngăn chặn sự thống nhất Đài Loan đối với đại lục và khuyến khích các bên yêu sách ASEAN tại Biển Đông chống lại những yêu sách của Trung Quốc. Nếu điều này được chấp nhận theo cách hiểu như trên, cùng với sự suy yếu nền kinh tế của Mỹ, Trung Quốc thực sự sẽ trở thành cường quốc thống trị tại Tây Thái Bình Dương.

### **Phản ứng của Mỹ**

Ý tưởng về sự hòa hợp với một cường quốc đang trỗi dậy và việc xoa dịu sự phẫn nộ điều đưa đến sự gia tăng xung đột đã thu hút sự chú ý tại các buổi thảo luận về quá trình chuyển đổi bá quyền và tạo ra sự hòa hợp giữa các cường quốc tại Châu Á. Tuy nhiên ý nghĩ của Trung Quốc về những khu vực ảnh hưởng đã đi quá xa giới hạn cho phép, là điều giải thích tại sao chính quyền Obama đã bác bỏ. Những cam kết và lợi ích của Mỹ tại Tây Thái Bình Dương vượt xa những sự phân chia như vậy, bất kỳ sự chấp nhận nào cũng sẽ làm xói mòn mối liên minh với Nhật Bản và Hàn Quốc. Chiến lược của Mỹ tại châu Á – Thái Bình Dương lúc này sẽ rõ ràng hơn, và Mỹ sẽ chỉ được ủy thác vị trí ngoài khơi với một chút tầm ảnh hưởng trong khu vực này. Để tránh viễn cảnh này, chính quyền Obama đã đáp trả áp lực của Trung Quốc tại Tây Thái Bình Dương bằng việc ra thông điệp rõ ràng về lợi ích của mình tại Biển Đông và thắt chặt những mối quan hệ an ninh với các đồng minh và những người ủng hộ.<sup>39</sup>

---

<sup>38</sup> Office of the Secretary of Defense, “Annual Report to Congress—Military Power of the People’s Republic of China 2009,” [http://www.defense.gov/pubs/pdfs/China\\_Military\\_Power\\_Report\\_2009.pdf](http://www.defense.gov/pubs/pdfs/China_Military_Power_Report_2009.pdf).

<sup>39</sup> Mark Landler and Sewell Chan, “Taking Harder Stance Toward China, Obama Lines Up Allies,” The New York Times, 25, tháng 10, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/10/26/world/asia/26china.html>.



Lợi ích của Trung Quốc tại những khu vực ảnh hưởng riêng đã được bộc lộ trong những khâu chuẩn bị trước khi Diễn đàn Khu vực ASEAN diễn ra tại Hà Nội vào tháng 7 năm 2010. Đại sứ Trung Quốc tại Washington đã đề nghị Bộ ngoại giao Mỹ không nêu vấn đề Biển Đông và hy vọng Mỹ sẽ chấp nhận.<sup>40</sup> Trước đó Mỹ nhấn mạnh đến rất ít lợi ích của mình trong vấn đề ngoài việc duy trì tự do hàng hải và điều này đối với Trung Quốc về sự tước bỏ lợi ích này sẽ vẫn tiếp tục. Tuy nhiên Ngoại trưởng My Hillary Clinton đã đưa ra lập trường để tập hợp các quốc gia yêu sách đã bị cảnh báo bởi áp lực của Trung Quốc. Trong một động thái gây ngạc nhiên cho Trung Quốc, bà Clinton khẳng định lợi ích của Mỹ tại Biển Đông và nhấn mạnh rằng các bên tuyên bố nên theo đuổi các yêu sách lãnh thổ của mình phù hợp với UNCLOS và các nguyên tắc về dạng lãnh thổ chiếm hữu (land features.) Điều này thách thức đối với yêu sách của Trung Quốc, yêu sách dựa trên lịch sử và quyền đầu tiên khám phá hơn là sự mở rộng hợp pháp của các dạng lãnh thổ đã chiếm hữu<sup>41</sup>. Bà cũng ủng hộ “tiến trình ngoại giao hợp tác của các bên,” trong khi Trung Quốc quả quyết rằng đàm phán đối với vấn đề nên được tiến hành song phương với các bên yêu sách ASEAN và các bên thứ ba không nên dính líu.

Kể từ diễn đàn đó, Mỹ đã tăng cường thúc đẩy các mối quan hệ phòng thủ với các quốc gia ASEAN có những mối quan ngại với Trung Quốc. Vào ngày 23 tháng 7 năm 2010, Washington đã dỡ bỏ lệnh cấm về quan hệ đối với đơn vị Lực lượng Đặc biệt Indonesia, *Kopassus*. Lệnh cấm này được đưa ra vào tháng 9 năm 1997, lệnh này ngăn không cho Mỹ liên hệ với những đơn vị quân đội nước ngoài có lịch sử vi phạm nhân quyền.<sup>42</sup> Đáng chú ý là vào tháng 9 năm 2010, Ngoại trưởng Indonesia, Marty Natelagawa đã bác bỏ quan điểm của Trung Quốc rằng

---

<sup>40</sup> John Pomfret, “Beijing claims ‘indisputable sovereignty’ over South China Sea,” The Washington Post, 31, tháng 7, 2010, <http://moralagency.wordpress.com/2010/08/01/beijing-claims-indisputable-sovereignty-over-south-china-sea/>.

<sup>41</sup> See Li Jinming and Li Dexia, “The Dotted Line on the Chinese Map of the South China Sea: A Note,” *Ocean Development & International Law* 34 (2003): tr. 287-295,

<http://community.middlebury.edu/~scs/docs/Li%20and%20Li-The%20Dotted%20Line%20on%20the%20Map.pdf>.

<sup>42</sup> Craig Whitlock, “U.S. to end ban on Indonesia’s special forces, angering human rights groups,” The Washington Post, 23, tháng 7, 2010

Mỹ không nên can dự vào tranh chấp Biển Đông, điều này nhấn mạnh về sự cảnh giác đã có từ lâu về Trung Quốc.<sup>43</sup>

Philippin cũng tăng cường thúc đẩy mối quan hệ đối với Mỹ nhằm đáp trả những áp lực từ phía Trung Quốc, bất chấp những vấn đề về mối quan hệ thực dân cũ trước đây với Mỹ. Ngoại trưởng Philippin Alberto del Rosario đã ám chỉ về “hành động hung hăng của Trung Quốc” và thăm Washington vào tháng 6 năm 2011 nhằm đạt được sự đảm bảo về sự ủng hộ của Mỹ. Trong chuyến thăm này, ông đã nhấn mạnh Mỹ cần phải làm rõ quan điểm của mình về Hiệp ước Phòng thủ Chung (MDT) năm 1951.<sup>44</sup> Manila khẳng định rằng MDT bao gồm cả Biển Đông, nhưng Mỹ đã bác bỏ. Mỹ cho rằng những yêu sách của Philippin (tại Biển Đông – ND) được đưa ra sau khi ký hiệp ước, và Mỹ chỉ có cam kết pháp lý trong việc bảo vệ Philippin như đã được ghi trong Hiệp ước Paris 1898, theo đúng trong hiệp ước Mỹ tiếp nhận Philippin từ Tây Ban Nha. Tuy nhiên Mỹ đã thực sự đã có những đáp ứng hỗ trợ thực chất cho Philippin khi Philippin tìm kiếm sự giúp đỡ của Mỹ trong việc nâng cấp bổ sung cho năng lực hải quân yếu kém của mình.<sup>45</sup> Ngoại trưởng Del Rosario đã kêu gọi thành lập một hệ thống vay mượn, theo đó Philippin có thể thuê những thiết bị mới từ Mỹ.<sup>46</sup> Mỹ cũng đồng ý mở rộng việc chia sẻ thông tin tình báo với Philippin nhằm nâng cao nhận thức hàng hải và năng lực giám sát.<sup>47</sup>

---

<sup>43</sup> Daniel Ten Kate and Susan Li, “Indonesia Rejects China Stance that U.S. Stay Out of Local Waters Dispute,” Bloomberg, 22, tháng 9, 2010, <http://www.bloomberg.com/news/2010-09-22/indonesia-rejects-china-stance-that-u-s-stay-out-of-local-waters-dispute.html>.

<sup>44</sup> Keith B. Richburg, William Wan, and William Branigin, “China warns U.S. in island dispute,” The Washington Post, 23, tháng 6, 2011, [http://www.washingtonpost.com/world/china-warns-us-in-island-dispute/2011/06/22/AGTiVxfH\\_story.html](http://www.washingtonpost.com/world/china-warns-us-in-island-dispute/2011/06/22/AGTiVxfH_story.html)

<sup>45</sup> Hillary Clinton, “Remarks With Philippines Foreign Secretary Albert del Rosario After Their Meeting,” 23, tháng 6, 2011, <http://www.state.gov/secretary/rm/2011/06/166868.htm>

<sup>46</sup> Lachlan Carmichael and Shaun Tandon, “U.S. says it will provide hardware to Philippines,” DefenseNews, 23, tháng 6, 2011, <http://www.defensenews.com/story.php?i=6906530&c=POL&s=TOP>

<sup>47</sup> “US to boost Philippine intelligence, DFA says,” Agence France-Presse, 25, tháng 6, 2011, <http://globalnation.inquirer.net/4845/us-to-boost-philippine-intelligence-dfa-says>.

Đối với Việt Nam, những mối quan hệ với Mỹ đã được thúc đẩy, và trở thành mối quan hệ an ninh đầy tiềm năng được thúc đẩy bởi phía quân đội từ cả hai bên. Việt Nam xem Mỹ như đối trọng quan trọng đối với Trung Quốc, nhưng sự gần gũi của nước này đối với người khổng lồ phương bắc lại khiến cho họ phải cân trọng. Mặc dù mối quan hệ này không thể đi quá xa ra khỏi những giới hạn đặt ra bởi những mối lo ngại của Việt Nam về sự phản ứng của Trung Quốc và những giới hạn trong quốc hội Mỹ (do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Việt Nam đã cản trở toàn bộ những nỗ lực xây dựng mối quan hệ gần gũi hơn với Việt Nam), nhưng những cuộc viếng thăm đáng chú ý vẫn diễn ra, điển hình là chuyến thăm được công bố rộng rãi của tổng thống Bill Clinton tới Việt Nam vào tháng 11 năm 2000, chuyến thăm đầu tiên của một tổng thống Mỹ tới đất nước Việt Nam đã được thống nhất.<sup>48</sup> Vào tháng 8 năm 2010, tàu sân bay USS George Washington đi dọc bờ biển Việt Nam và đã đón các cuộc viếng thăm từ những quan chức quân sự cấp cao của Việt Nam.<sup>49</sup> Hải quân Mỹ tiếp tục tìm kiếm sự thỏa thuận về việc tái cung cấp những thiết bị và dịch vụ cho tàu thuyền tại Việt Nam, với việc ba chiếc tàu như vậy đã được sửa chữa tại Việt Nam trong 3 năm qua, chiếc cuối cùng là tàu USNS *Richard E. Byrd*, tại cảng Cam Ranh vào tháng 8 năm 2011. Vào ngày 1 tháng 8 năm 2011, Mỹ và Việt Nam đã ký kết một văn bản được ca ngợi là hiệp định quân sự đầu tiên kể từ chiến tranh Việt Nam; mặc dù hiệp định chỉ giới hạn trong hợp tác y tế và cộng tác nghiên cứu trong quân y, nhưng có vẻ sẽ mở đường cho những hiệp định khác rộng lớn hơn.<sup>50</sup>

Tổng thống Obama đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và phủ nhận về ý kiến cho rằng vai trò của Mỹ sẽ bị suy giảm tại khu vực khi nước này điều chỉnh đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trong chuyến thăm tới Úc vào tháng 11 năm 2011, ông đã tuyên bố rằng Mỹ sẽ triển khai

---

<sup>48</sup> Các Bộ trưởng quốc phòng Mỹ đã đến thăm Việt Nam: William Cohen vào tháng 3, 2000, Donald Rumsfeld vào tháng 6, 2006 và Robert Gates năm 2010. Các bộ trưởng quốc phòng Việt Nam cũng đã đến Washington : Phạm Văn Trà vào năm 2003, Phùng Quang Thanh vào tháng 12 năm 2009

<sup>49</sup> Margie Mason, “Former Enemies US, Vietnam Now Military Mates,” Associated Press, 8, tháng 8, 2010, [http://www.usatoday.com/news/topstories/2010-08-07-1453818316\\_x.htm](http://www.usatoday.com/news/topstories/2010-08-07-1453818316_x.htm).

<sup>50</sup> “U.S., Vietnam Start Military Relationship,” DefenseNews, 1, tháng 8, 2011, <http://defensenews.com/story.php?i=7264252&c=AME&s=TOP>.

2500 lính thủy tại một căn cứ luân chuyển tại phía bắc Úc; ông cũng tiết lộ rằng máy bay và tàu chiến hải quân Mỹ sẽ tăng cường sử dụng các cơ sở tại Úc.<sup>51</sup> Sự gần gũi về không gian của Úc đối với Biển Đông và những khu vực bao quanh cũng như tình trạng đồng minh tin cậy với một chính phủ ổn định sẽ khiến cho Úc là sự lựa chọn có sức hút đối với Mỹ, quốc gia này đang tìm kiếm những vị trí căn cứ mà từ đó lực lượng của họ có thể nhanh chóng tiếp cận tới những khu vực xung đột tại Tây Thái Bình Dương. Trong một bài phát biểu tại một hội nghị ASEAN trong tháng, ông Obama đã tuyên bố Mỹ đang chuyển sức mạnh của mình sang khu vực nhằm giảm sự can dự của mình tại Iraq và Afghanistan.<sup>52</sup> Khi Mỹ tăng cường vai trò của mình tại khu vực, các quốc gia yêu sách ASEAN sẽ trở nên tự tin hơn khi chống lại áp lực của Trung Quốc đang gia tăng trong hai năm qua. Nếu những xu hướng này tiếp tục, khu vực này sẽ bị phân cực giữa một bên là Mỹ và một bên là Trung Quốc, và những căng thẳng sẽ gia tăng, đặc biệt là tại Biển Đông.

### SỰ TỰ TIN CỦA TRUNG QUỐC

Nhận thấy có nhiều động thái gia tăng chống lại Trung Quốc kể, từ ít nhất là vào thời điểm Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) vào tháng 7 năm 2010, Hồ Cẩm Đào đã nỗ lực xoa dịu những căng thẳng đối với Biển Đông. Thái độ hung hăng của một số đại diện quân đội Trung Quốc và những hành động quá quyết đoán nhằm tạo ra sự ảnh hưởng tại Tây Thái Bình Dương đe dọa về một phản ứng hết sức tiêu cực chống lại Trung Quốc và thậm chí có thể đẩy ASEAN đến gần hơn với Mỹ.

**Từ tháng 7 năm 2010, Hồ Cẩm Đào đã nỗ lực xoa dịu những căng thẳng tại Biển Đông.**

<sup>51</sup> Ben Packham, “2500 US Marines on Australian Soil to Increase Defence Ties,” The Australian, 17, tháng 11, 2011, <http://www.theaustralian.com.au/national-affairs/obama-in-australia/us-president-touches-down-at-fairbairn-airforce-base/story-fnb0o39u-1226197111255>.

<sup>52</sup> Xem Jackie Calmes, “Obama’s Trip Emphasizes Role of Pacific Rim,” The New York Times, 18, tháng 11, 2011, [http://www.nytimes.com/2011/11/19/world/asia/obamas-trip-sends-message-to-asian-leaders.html?\\_r=1](http://www.nytimes.com/2011/11/19/world/asia/obamas-trip-sends-message-to-asian-leaders.html?_r=1).

Trong khi đó, người phụ trách về chính sách ngoại giao của ông Hồ Cẩm Đào, Ủy viên Quốc vụ Viện (và thực tế đang là cố vấn an ninh quốc gia), Đới Bình Quốc, đã tăng cường kiểm soát tình hình và ngăn chặn việc chính sách đối ngoại bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa dân tộc hung hăng ngày càng gia tăng tại Trung Quốc. Trong bài phát biểu tại ban thư ký ASEAN tại Jakarta vào ngày 22 tháng 1 năm 2010, Đới đã tuyên bố rằng Trung Quốc không tìm kiếm “bá quyền”, và nước này không muốn “đẩy Mỹ ra khỏi châu Á” và Biển Đông sẽ để cho những thể hệ tương lai giải quyết.<sup>53</sup> Trong một bài báo đăng trên Nhật báo Phố Uôn, Đới nói với người Mỹ rằng “Trung Quốc sẽ không bao giờ ganh đua vị trí lãnh đạo [nguyên văn] trên thế giới,” rằng Trung Quốc đang hợp tác với Mỹ trên nhiều vấn đề tại nhiều khu vực khác nhau, và Trung Quốc là một “đối tác mà Mỹ có thể hợp tác”.<sup>54</sup>

Trung Quốc cũng tăng cường xoa dịu căng thẳng với Việt Nam, đối thủ cạnh tranh chính tại Biển Đông. Đới đã tới thăm Hà Nội từ ngày 5-9 tháng 9 năm 2011 trong cuộc họp lần thứ 5 của Ban Chỉ đạo Việt – Trung về hợp tác. Tại đây, ông Đới đã đưa ra tuyên bố rằng “hai bên đồng ý thúc đẩy phối hợp trong những vấn đề khu vực và thúc đẩy quan hệ Trung Quốc – ASEAN. Hai bên cũng đồng ý giải quyết đúng đắn tranh chấp đối với Biển Đông thông qua tham vấn kỹ lưỡng để duy trì quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia”.<sup>55</sup> Ngay sau đó, Ngô Bang Quốc, Chủ tịch Quốc Hội Trung Quốc, đã gặp tổng bí thư Việt Nam Nguyễn Phú Trọng tại Bắc Kinh và tuyên bố rằng Trung Quốc muốn thắt chặt lòng tin chính trị với Việt Nam và giải quyết những vấn đề đang tồn tại trong mối quan hệ song phương.<sup>56</sup> Vào ngày 15 tháng 10, cả Trung Quốc và Việt Nam đã đồng ý thúc đẩy hợp tác quân sự bằng việc tăng cường liên lạc giữa các quan chức cấp cao và thiết lập đường dây nóng dọc theo biên giới đất liền hai nước và tại Vịnh Bắc Bộ, gia tăng những

<sup>53</sup> Đới Bình Quốc, “Embrace New Opportunities for China-ASEAN Cooperation,” 22, tháng 1, 2010, <http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjdt/zyjh/t653431.htm>.

<sup>54</sup> Đới Bình Quốc, “China’s Peaceful Development Is Good for America,” The Wall Street Journal, 10, tháng 5, 2011, <http://online.wsj.com/article/SB10001424052748703730804576312041320897666.html>.

<sup>55</sup> “China, Vietnam agree to boost forward-looking bilateral relations,” Xinhua, 6, tháng 9, 2011, [http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-09/06/c\\_131106560.htm](http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-09/06/c_131106560.htm).

<sup>56</sup> “China vows to properly handle problems in relations with Vietnam,” Tân Hoa Xã, 11, tháng 10, 2011, [http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-10/11/c\\_131185528.htm](http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-10/11/c_131185528.htm).

chuyến viếng thăm lẫn nhau bởi tàu hải quân và thảo luận về phát triển chung tại khu vực biển.<sup>57</sup> Tại Việt Nam, những cuộc tập hợp chống Trung Quốc đã diễn ra tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh từ tháng 6 năm 2011, nhưng vào tháng 10 những người chống đối đã bị hạn chế và những cuộc tuần hành đã kết thúc.<sup>58</sup>

## TƯƠNG LAI

Tranh chấp về lãnh thổ biển đã từng diễn ra liên quan đến Trung Quốc, Việt Nam và các quốc gia duyên hải ASEAN trở thành tác nhân khuấy động đến hòa bình và ổn định tại Tây Thái Bình Dương. Trung Quốc là bên duy nhất dùng đến vũ lực đối với tranh chấp – khi nước này đánh chiếm Tây quần đảo Hoàng Sa từ Nam Việt Nam vào tháng 1 năm 1974 và tàu hải quân của nước này đã đánh chìm 3 tàu Việt Nam vào năm 1988. Những đụng độ này đã bị kiềm chế do chúng không liên quan đến những cường quốc bên ngoài; mặc dù ASEAN đã cảnh báo về đụng độ 1988, nhưng nó không gây quan ngại đối với Mỹ. Khi các bên yêu sách ASEAN cuốn vào việc khai thác năng lượng vào những năm 90, đã có nhiều sự việc có liên quan đến Trung Quốc và giữa các quốc gia ASEAN với nhau, nhưng có rất ít những xung đột công khai. Thời điểm đó giờ đã trôi qua khi những chương trình phát triển hải quân khiến cho khu vực Biển Đông trở nên quan trọng hơn đối với Trung Quốc. Hải quân Trung Quốc cần những căn cứ an toàn tại Hải Nam, khu vực có thể phòng thủ chống lại tàu ngầm và máy bay, và đảm bảo an toàn tiếp cận thông qua Biển Đông tới biển mở xa hơn, đáp ứng đầy đủ những sứ mệnh mà hải quân Trung Quốc tự đặt ra cho mình. Với những lý do này, Trung Quốc buộc phải tìm kiếm quyền kiểm soát đối với khu vực để cầm chân hải quân Mỹ ở một khoảng cách an toàn. Những thái độ hung hăng của Trung Quốc đối với vấn đề đã thực sự buộc các quốc gia yêu sách ASEAN lùi

**Chính quyền Obama có rất ít lựa chọn ngoài việc khẳng định lợi ích của mình tại Biển Đông.**

<sup>57</sup> “China and Vietnam to strengthen military ties: report,” Reuters, 15, tháng 10, 2011, <http://www.reuters.com/article/2011/10/15/us-china-vietnam-idUSTRE79E0IR20111015>.

<sup>58</sup> “Vietnam Halts Anti-China Protests,” BBC News, 18, tháng 8 2011, <http://www.bbc.co.uk/news/world-asia-pacific-14574075>.

kéo Mỹ và tiến hành những chương trình hiện đại hóa hải quân của mình. Ví dụ như Việt Nam đã mua 6 tàu ngầm lớp *Kilo* và 8 máy bay SU-30MK2V máy bay đa chức năng của Nga, và Indonesia đã ký hợp đồng mua 3 tàu ngầm của Hàn Quốc. Những thông điệp của ông Hồ Cẩm Đào được Đối Bình Quốc gửi tới Việt Nam với nỗ lực giảm căng thẳng tại khu vực Biển Đông cho thấy rằng Trung Quốc đã nhận ra rủi ro từ những xu hướng này.

Động thái của nhà lãnh đạo Hồ Cẩm Đào nhằm làm giảm căng thẳng thực sự việc được nhiều người hoan nghênh, nhưng những ngày khi Mao hay Chu Ân Lai (Zhou Enlai) khẳng định quyền kiểm soát đối với chính sách của Trung Quốc đơn giản bằng việc ra lệnh giờ đã qua từ lâu. Những quyết định của Trung Quốc giờ trở nên phức tạp hơn vì quyền lực bị phân tán nhiều hơn và ít mở rộng hơn đối với sự can thiệp trực tiếp từ lãnh đạo cấp cao. Trung Quốc có thể đưa ra những tuyên bố về tình hữu nghị đối với thế giới bên ngoài, nhưng năng lực hải quân của Trung Quốc tiếp tục phát triển theo những kế hoạch đã được đặt ra từ hàng thập kỷ. Rồi những kế hoạch này sẽ nâng cao sức ảnh hưởng của hải quân khi ngân sách đã được cam kết và những tham vọng quốc gia thức tỉnh. Khi chiếc tàu sân bay đi vào hoạt động cùng với đội tàu hộ tống và thêm nhiều SSBNs lớp *Jin* và tàu ngầm tấn công hạt nhân hơn được triển khai, áp lực lên các bên yếu sách ASEAN tại Biển Đông sẽ tăng lên và cuộc cạnh tranh với Mỹ sẽ gia tăng.

Mỹ có thể đối mặt với viễn cảnh bị gạt ra khỏi Tây Thái Bình Dương, lý do tại sao mà chính quyền Obama có quá ít lựa chọn ngoài việc khẳng định lợi ích của mình tại Biển Đông. Trong kịch bản tồi tệ nhất, chiến lược hải quân Trung Quốc sẽ kiểm soát chính sách của Bắc Kinh đối với Biển Đông, và Trung Quốc sau đó sẽ bị xảy chân trên con đường đối đầu với Mỹ và khu vực. Thực sự có mối nguy rằng quân đội theo chủ nghĩa dân tộc có thể thách thức lãnh đạo đảng trong việc chuyển giao từ chính quyền ông Hồ Cẩm Đào vào mùa hè này và gây ra những hành động cứng rắn hơn đối với vấn đề như Biển Đông.

Kịch bản tồi tệ này sẽ không xảy ra, vì lãnh đạo chính trị của Trung Quốc theo chủ nghĩa can thiệp mạnh mẽ và có vẻ sẽ hành động để ngăn chặn hậu quả này. Nếu lãnh đạo chính trị Trung Quốc kiểm chế sự hung hăng của Trung Quốc tại Biển Đông, nếu nước này ủng hộ tự do hàng hải đối với các quốc gia khác cũng

như đối với chính nước này, và nếu lãnh đạo mới tiến hành thực hiện những lời trấn an của Đới Bình Quốc rằng vấn đề Biển Đông sẽ để cho các thể hệ tương lai giải quyết, Bắc Kinh có thể làm cho việc triển khai hải quân Trung Quốc được chấp nhận nhiều hơn đối với khu vực. Theo cách này, Trung Quốc cũng sẽ tránh được việc trực tiếp thách thức Mỹ.

**Leszek Buszynski**

*Văn Cường (dịch)*

*Thái Giang (hiệu đính)*

Bản gốc tiếng Anh *The South China Sea: Oil, Maritime Claims and U.S. – China Strategic Rivalry*, The Washington Quarterly 35(2), 2012